Mẫu số: **01/TKN-CNKD**
(Kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO DOANH THU/TỜ KHAI THUẾ NĂM

(Áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế TNCN theo phương pháp thuế suất nhân với doanh thu tính thuế đề nghị hoàn thuế; cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp, hoạt động kinh doanh khác chưa khấu trừ, nộp thuế trong năm)

□ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống

□ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh có doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống

□ Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế TNCN theo phương pháp thuế suất nhân với doanh thu tính thuế đề nghị hoàn thuế

□ Cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp, hoạt động kinh doanh khác chưa khấu trừ, nộp thuế trong năm

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Năm……

[01b] 6 tháng đầu năm…..

[01c] 6 tháng cuối năm….

[02] Lần đầu: □ **[03]** Bổ sung lần thứ:.... □

[04] Người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Tổ chức/cá nhân kê khai, nộp thuế thay theo ủy quyền (nếu có):

[06.1] Mã số thuế:

[06.2] Văn bản uỷ quyền (nếu có): Số……ngày……tháng……năm

[07] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07.1] Mã số thuế:.....

A. XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ THUẾ GTGT, TNCN

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuế GTGT		Thuế TNCN			Số tiền người nộp thuế trực tiếp nộp vào NSNN		Số tiền do tổ chức khấu trừ, nộp thay		Số thuế phải nộp thêm		Số thuế nộp thừa	
			Doanh thu trong năm	Số thuế phải nộp	Doanh thu	Doanh thu được trừ để xác định doanh thu tính thuế	Số thuế phải nộp	GT GT	TN CN	GT GT	TN CN	GT GT	TN CN	GT GT	TN CN
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	**Hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, cung cấp dịch vụ có địa điểm kinh doanh cố định**	**[08]**													
1.1	Phân phối, cung cấp hàng hóa	[08a]													
1.2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	[08b]													
1.3	Hoạt động cho thuê tài sản trừ bất động sản	[08c]													
1.4	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	[08d]													
1.5	Hoạt động cung cấp sản phẩm nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số	[08e]													

1.6	Hoạt động kinh doanh khác	[08g]													
2	**Hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác**	**[09]**													
2.1	Phân phối, cung cấp hàng hóa	[09a]													
2.2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	[09b]													
2.3	Hoạt động cho thuê tài sản trừ bất động sản	[09c]													
2.4	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	[09d]													
2.5	Hoạt động cung cấp sản phẩm nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số	[09e]													
2.6	Hoạt động kinh doanh khác	[09g]													
3	**Hoạt động đại lý xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp**	**[10]**													
4	**Tổng cộng**	**[11]**													
5	**Số thuế được miễn**	**[12]**													
6	**Số thuế còn phải nộp**	**[13]**													

B. KÊ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Doanh thu tính thuế TTĐB	Thuế suất	Số thuế phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)*(6)
I	**Trụ sở kinh doanh:**					
1	Hàng hóa, dịch vụ A	**[14a]**				
2	Hàng hóa, dịch vụ B	**[14b]**				
		…				
II	**Mã địa điểm kinh doanh 1:** **Tên địa điểm kinh doanh 1:**					
…	.....					
	Tổng cộng:	**[15]**				
	Số thuế được miễn	**[16]**				
	Số thuế còn phải nộp	**[17]**				

C. KÊ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tài nguyên, hàng hóa, sản phẩm	Trụ sở kinh doanh/Mã	Tên địa điểm kinh doanh	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Sản lượng/ Số lượng	Giá tính thuế tài nguyên/ mức	Thuế suất/Hệ số K	Số thuế/phí phải nộp

		địa điểm kinh doanh					**thuế hoặc phí BVMT**	**tính phí BVMT**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	**Khai thuế tài nguyên**								
1	Tài nguyên C..			**[18a]**					(10)=(7)*(8)*(9)
2	Tài nguyên D..			**[18b]**					
	.....								
	Tổng cộng								**[19]**
	Số thuế được miễn								**[20]**
	Số thuế còn phải nộp								**[21]**
II	**Khai thuế bảo vệ môi trường**								
2.1	Hàng hóa E...			**[22a]**					(10)=(7)*(8)
2.2	Hàng hóa G...			**[22b]**					
	.....								
	Tổng cộng								**[23]**
	Số thuế được miễn								**[24]**
	Số thuế còn phải nộp								**[25]**
III	**Khai phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản**								
3.1	Khoáng sản X...			**[26a]**					(10)=(7)*(8)*(9)

3.2	Khoáng sản Y...			**[26b]**					
	.....								
	Tổng cộng								**[27]**
	Số phí được miễn								**[28]**
	Số phí còn phải nộp								**[29]**

D. HỖ TRỢ THÔNG TIN NỘP THUẾ

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền	Chương	Tiểu mục	Địa bàn hành chính	Cơ quan thu	Cơ quan thuế	Hạn nộp thuế
[30]	**[31]**	**[32]**	**[33]**	**[34]**	**[35]**	**[36]**	**[37]**	**[38]**
…								
	Tổng cộng	**[39]**						

E. ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ KHOẢN NỘP THỪA

[40] Đề nghị hoàn trả:

[40.1] Số thuế GTGT:

[40.2] Số thuế TNCN:

[40.3] Tổng cộng:

[41] Hình thức hoàn trả:

[42] ☐ Chuyển khoản.

[42.1] Tên chủ tài khoản:

[42.2]Tài khoản số:

[42.3] Tại Ngân hàng/KBNN:

[43] ☐ Tiền mặt.

[43.1] Tên người nhận tiền:

[43.2] Số CCCD/Số định danh cá nhân/Số Hộ chiếu: ……. **[43.3]** Ngày cấp:……./…../…… **[43.4]** Nơi cấp:

[43.5] Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước

Thông tin người nộp thuế đề nghị bù trừ khoản nộp thừa với khoản nợ, khoản thu phát sinh hoặc đề nghị hoàn kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước:

STT	Thông tin khoản nợ/khoản thu phát sinh										Số tiền còn phải nộp đề nghị bù trừ với số tiền nộp thừa	Số tiền còn phải nộp sau bù trừ
	Mã số thuế	Tên NNT	Số định danh khoản phải nộp (ID) (nếu có)	Nội dung khoản nợ/phát sinh	Chương	Tiểu mục	Cơ quan thu	Địa bàn hành chính	Hạn nộp	Số tiền còn phải nộp		
[44]	[45]	[46]	[47]	[48]	[49]	[50]	[51]	[52]	[53]	[54]	[55]	[56]=[54]-[55]

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên: ……..
Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên/ Ký điện tử)

Ghi chú:

- Đối với trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thông báo doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống thì chỉ thực hiện thông báo doanh thu; không thực hiện khai số thuế GTGT, thuế TNCN phải nộp.
- Chỉ tiêu [3.1], [3.2]…tại khoản III, mục C: bao gồm khoáng sản và đất đá bóc, đất đá thải (nếu có).
- Hệ số K tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có)